

Quyết Thắng, ngày 04 tháng 10 năm 2026

THÔNG BÁO

V/v Công khai số tờ, số thửa, diện tích, loại đất, chủ sử dụng đất và dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án: Đầu tư xây dựng hoàn chỉnh cao tốc CT.07 đoạn Hà Nội - Thái Nguyên - Chợ Mới theo hình thức đối tác công tư (PPP)

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản và Luật các tổ chức tín dụng ngày 29/6/2024;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị Quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định về Quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn;

Căn cứ Nghị quyết số 275/NQ-HĐND ngày 09/6/2026 của HĐND tỉnh Thái Nguyên về việc thông qua bổ sung danh mục các dự án phải thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 15/2026/QĐ-UBND ngày 27/3/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 75/2026/QĐ-UBND ngày 19/6/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên phân cấp thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 1939/QĐ-UBND ngày 22/6/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên về phê duyệt dự án Đầu tư xây dựng hoàn chỉnh cao tốc CT.07 đoạn Hà Nội - Thái Nguyên - Chợ Mới theo phương thức đối tác công tư (PPP);

Căn cứ Thông báo số 294/TB-UBND ngày 06/7/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên về Kết luận của đồng chí Nguyễn Linh, Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh tại cuộc họp đẩy nhanh tiến độ công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và GPMB dự án Đầu tư xây dựng hoàn chỉnh cao tốc CT.07 đoạn Hà Nội - Thái Nguyên - Chợ Mới theo phương thức đối tác công tư (PPP);

Căn cứ Quyết định số 16/2026/QĐ-UBND ngày 30/3/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc ban hành quy định về đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình phục vụ đời sống và công trình xây dựng gắn liền với đất và mức bồi thường chi phí tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt tài sản khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 27/2026/QĐ-UBND ngày 13/5/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc ban hành quy định Ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi, rừng tự nhiên, rừng trồng và hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ thông báo số 513/TB-UBND ngày 07/8/2026 của UBND phường Quyết Thắng về việc thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng hoàn chỉnh cao tốc CT.07 đoạn Hà Nội - Thái Nguyên - Chợ Mới theo phương thức đối tác công tư (PPP);

Căn cứ thông báo số 573/TB-UBND ngày 27/8/2026 của UBND phường Quyết Thắng về việc thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng hoàn chỉnh cao tốc CT.07 đoạn Hà Nội - Thái Nguyên - Chợ Mới theo phương thức đối tác công tư (PPP);

Căn cứ thông báo số 600/TB-UBND ngày 10/9/2026 của UBND phường Quyết Thắng về việc đính chính một số nội dung tại thông báo thu hồi số 513/TB-UBND ngày 07/8/2026 của UBND phường Quyết Thắng.

Căn cứ thông báo số 653/TB-UBND ngày 02/10/2026 của UBND phường Quyết Thắng về việc thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng hoàn chỉnh cao tốc CT.07 đoạn Hà Nội - Thái Nguyên - Chợ Mới theo phương thức đối tác công tư (PPP);

Ban Quản lý dự án phường Quyết Thắng công khai dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án Đầu tư xây dựng hoàn chỉnh cao tốc CT.07 đoạn Hà Nội - Thái Nguyên - Chợ Mới theo phương thức đối tác công tư (PPP) cho các hộ gia đình, cá nhân trong quy hoạch dự án.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

Thời gian niêm yết từ ngày 05/10/2026 đến hết ngày 16/10/2026.

Địa điểm công khai tại trụ sở UBND phường Quyết Thắng; nhà văn hóa tổ dân phố 19; công thông tin điện tử phường để hộ gia đình, cá nhân và các thành phần có liên quan thuộc quy hoạch dự án được biết và tham gia đóng góp ý kiến.

Hết thời gian công khai nêu trên, Ban Quản lý dự án phường Quyết Thắng sẽ tổ chức họp trực tiếp các hộ gia đình, cá nhân lấy ý kiến về dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Trường hợp các hộ gia đình, cá nhân không tham gia buổi họp trực tiếp có ý kiến bằng văn bản về dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ gửi đồng chí tổ trưởng tổ dân phố hoặc UBND phường Quyết Thắng; Ban Quản lý dự án phường Quyết Thắng để tổng hợp theo quy định trước ngày 16/10/2026.

Vậy, Ban Quản lý dự án phường Quyết Thắng thông báo để các tổ chức, hộ gia đình được biết và phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND phường Quyết Thắng;
- Lưu: VT; ndnghĩa.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lương Văn Thái

PHỤ LỤC 01

NỘI DUNG DỰ THẢO PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ

Đầu tư xây dựng hoàn chỉnh cao tốc CT.07 đoạn Hà Nội - Thái Nguyên - Chợ Mới theo phương thức đối tác công tư (PPP)

(Kèm theo Thông báo số 89/TB-BQLDA ngày 04/10/2026 của Ban quản lý dự án phường Quyết Thắng)



STT	Diện tích đất thu hồi (m2)	Loại đất	Tổng số người có đất bị thu hồi (Người)	Số tiền bồi thường, hỗ trợ (VN đồng)	Tiến độ thực hiện phương án bồi thường	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7
1	1.164,8	Đất trồng cây hàng năm (HNK); Đất trồng lúa còn lại (LUK); Đất chuyên trồng lúa (LUC)	8	706.893.440	Theo tiến độ dự án	

PHỤ LỤC 02

DỰ THẢO TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT

Đầu tư xây dựng hoàn chỉnh cao tốc CT.07 đoạn Hà Nội - Thái Nguyên - Chợ Mới theo phương thức đối tác công tư (PPP)



TT	Họ và tên chủ sử dụng đất	Bản đồ địa chính (BĐ ĐC chính lý)					Bồi thường đất nông nghiệp	Bồi thường cây trồng, sản lượng	Hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất	Tổng số tiền
		Số tờ	Số tờ tham chiếu	Số thửa	Diện tích đất thu hồi (m2)	Loại đất					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=8+9+10+11
1	Nguyễn Hồng Mão				176,0		21.120.000	1.724.800	63.360.000	16.884.000	103.088.800
		16	93	162	176	LUC	21.120.000	1.724.800	63.360.000	16.884.000	103.088.800
2	Phạm Xuân Vinh				24,4		2.928.000	1.220.000	8.784.000	13.507.200	26.439.200
		10	87	367	14,6	HNK	1.752.000	730.000	5.256.000	13.507.200	21.245.200
		10	87	474	9,8	HNK	1.176.000	490.000	3.528.000	0	5.194.000
3	Kim Thị Thìn				101,8		12.216.000	5.090.000	36.648.000	13.507.200	67.461.200
		16	93	186	101,8	LUK	12.216.000	5.090.000	36.648.000	13.507.200	67.461.200
4	Lê Thị Liễu				222,8		26.736.000	8.912.000	80.208.000	10.130.400	125.986.400
		16	93	171	222,8	LUK	26.736.000	8.912.000	80.208.000	10.130.400	125.986.400
5	Nguyễn Thị Mai				201,5		24.180.000	5.239.000	72.540.000	13.507.200	115.466.200
		16	93	187	201,5	LUK	24.180.000	5.239.000	72.540.000	13.507.200	115.466.200
6	Nhâm Văn Long Đào Thị Thu Hương				230,8		27.696.000	2.261.840	83.088.000	13.507.200	126.553.040
		16	93	176	230,8	LUC	27.696.000	2.261.840	83.088.000	13.507.200	126.553.040



TT	Họ và tên chủ sử dụng đất	Ban đồ địa chính (BDĐC chính lý)					Bồi thường đất nông nghiệp	Bồi thường cây trồng, sản lượng	Hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất	Tổng số tiền
		Số tờ	Số tờ tham chiếu	Số thửa	Diện tích đất thu hồi (m2)	Loại đất					
7	Nguyễn Thị Quỳnh				167,5		20.100.000	10.867.400	60.300.000	13.507.200	104.774.600
		16	93	126	84,0	LUK	10.080.000	4.200.000	30.240.000	13.507.200	58.027.200
		16	93	168	40,2	HNK	4.824.000	4.502.400	14.472.000	0	23.798.400
		16	93	169	43,3	LUK	5.196.000	2.165.000	15.588.000	0	22.949.000
8	Vũ Văn Cần				40,0		4.800.000	1.040.000	14.400.000	16.884.000	37.124.000
		10	87	250	40,0	HNK	4.800.000	1.040.000	14.400.000	16.884.000	37.124.000
*	Tổng cộng				1.164,8		139.776.000	36.355.040	419.328.000	111.434.400	706.893.440

DỰ THẢO CHI TIẾT BỒI THƯỜNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP, BỒI THƯỜNG SẢN LƯỢNG
Đầu tư xây dựng hoàn chỉnh cao tốc CT.07 đoạn Hà Nội - Thái Nguyên - Chợ Mới theo phương thức đối tác công tư (PPP)



DVT: Đồng

TT	Họ và tên chủ sử dụng đất	Nơi thường trú	Vị trí thửa đất thu hồi	Bản đồ địa chính chính lý					Bồi thường đất nông nghiệp		Bồi thường sản lượng		Tổng cộng	Ghi chú
				Số tờ	Số tờ tham chiếu	Số thửa	Diện tích thu hồi (m2)	Loại đất	Giá đất ở theo Nghị Quyết số 33/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh Thái Nguyên	Thành tiền	Đơn giá theo Quyết định 27/2026/QĐ-UBND ngày 13/5/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên	Thành tiền		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11=8*10	12	13=8*12	14	15
1	Nguyễn Hồng Mão	Tổ dân phố 19, phường Quyết Thắng	Tổ dân phố 19, phường Quyết Thắng				176,0			21.120.000		1.724.800	22.844.800	
				16	93	162	176	LUC	120.000	21.120.000	9.800	1.724.800	22.844.800	Trồng lúa
2	Phạm Xuân Vinh	Tổ dân phố 19, phường Quyết Thắng	Tổ dân phố 19, phường Quyết Thắng				24,4			2.928.000		1.220.000	4.148.000	
				10	87	367	14,6	HNK	120.000	1.752.000	50.000	730.000	2.482.000	Trồng tía tô
				10	87	474	9,8	HNK	120.000	1.176.000	50.000	490.000	1.666.000	Trồng tía tô
3	Kim Thị Thln	Tổ dân phố 19, phường Quyết Thắng	Tổ dân phố 19, phường Quyết Thắng				101,8			12.216.000		5.090.000	17.306.000	
				16	93	186	101,8	LUK	120.000	12.216.000	50.000	5.090.000	17.306.000	Trồng tía tô
4	Lê Thị Liễu	Tổ dân phố 19, phường Quyết Thắng	Tổ dân phố 19, phường Quyết Thắng				222,8			26.736.000		8.912.000	35.648.000	
				16	93	171	222,8	LUK	120.000	26.736.000	40.000	8.912.000	35.648.000	Trồng rau cần ta
5	Nguyễn Thị Mai	Tổ dân phố 16, phường Quyết Thắng	Tổ dân phố 19, phường Quyết Thắng				201,5			24.180.000		5.239.000	29.419.000	
				16	93	187	201,5	LUK	120.000	24.180.000	26.000	5.239.000	29.419.000	Trồng bắp cải



TT	Họ và tên chủ sử dụng đất	Nơi thường trú	Vị trí thửa đất thu hồi	Bản đồ địa chính chính lý					Bồi thường đất nông nghiệp		Bồi thường sản lượng		Tổng cộng	Ghi chú
				Số tờ	Số tờ tham chiếu	Số thửa	Diện tích thu hồi (m2)	Loại đất	Giá đất ở theo Nghị Quyết số 33/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh Thái Nguyên	Thành tiền	Đơn giá theo Quyết định 27/2026/QĐ-UBND ngày 13/5/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên	Thành tiền		
6	Nhâm Văn Long Đào Thị Thu Hương	Tổ dân phố 19, phường Quyết Thắng	Tổ dân phố 19, phường Quyết Thắng				230,8			27.696.000		2.261.840	29.957.840	
				16	93	176	230,8	LUC	120.000	27.696.000	9.800	2.261.840	29.957.840	Trồng lúa
7	Nguyễn Thị Quỳnh	Tổ dân phố 19, phường Quyết Thắng	Tổ dân phố 19, phường Quyết Thắng				167,5			14.904.000		10.867.400	30.967.400	
				16	93	126	84,0	LUK	120.000	10.080.000	50.000	4.200.000	14.280.000	Rau mùi
				16	93	168	40,2	HNK	120.000	4.824.000	112.000	4.502.400	9.326.400	Rau bò khai
				16	93	169	43,3	LUK	120.000	5.196.000	50.000	2.165.000	7.361.000	Rau mùi
8	Vũ Văn Cẩn	Tổ dân phố 19, phường Quan Triều	Tổ dân phố 19, phường Quyết Thắng				40,0			4.800.000		1.040.000	5.840.000	
				10	87	250	40,0	HNK	120.000	4.800.000	26.000	1.040.000	5.840.000	Trồng bắp cải
*	Tổng cộng						1.164,8			137.178.000		36.355.040	176.131.040	



DỰ THẢO CHI TIẾT HỖ TRỢ ĐÀO TẠO CHUYÊN ĐỔI NGHỀ; HỖ TRỢ ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG VÀ SẢN XUẤT
Đầu tư xây dựng hoàn chỉnh cao tốc CT.07 đoạn Hà Nội - Thái Nguyên - Chợ Mới theo phương thức đối tác công tư (PPP)

DVT: Đồng

TT	Họ và tên chủ sử dụng đất	Bản đồ địa chính chính lý					Nguồn gốc đất	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm (Điều 6 Quyết định 15/2026/QĐ-UBND ngày 27/3/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên)		Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất				Tổng cộng	Ghi chú
		Số tờ	Số tờ tham chiếu	Số thửa	diện tích thu hồi (m2)	Loại đất		Đơn giá (NQ33/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025)	Thành tiền	Số khẩu được hỗ trợ	Tỷ lệ % diện tích đất NN thu hồi	Thời gian hỗ trợ (tháng)	Thành tiền		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1	Nguyễn Hồng Mão				176,0		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất		63.360.000				16.884.000	80.244.000	Hộ nông nghiệp
		16	93	162	176	LUC		120.000	63.360.000	5	44,0%	6	16.884.000	80.244.000	
2	Phạm Xuân Vinh				24,4		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất		8.784.000				13.507.200	22.291.200	Hộ nông nghiệp
		10	87	367	14,6	HNK		120.000	5.256.000	2	100,0%	12	13.507.200	18.763.200	
		10	87	474	9,8	HNK		120.000	3.528.000					3.528.000	
3	Kim Thị Thìn				101,8		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất		36.648.000				13.507.200	50.155.200	Hộ nông nghiệp
		16	93	186	101,8	LUK		120.000	36.648.000	4	16,2%	6	13.507.200	50.155.200	
4	Lê Thị Liễu				222,8		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất		80.208.000				10.130.400	90.338.400	Hộ nông nghiệp
		16	93	171	222,8	LUK		120.000	80.208.000	3	6,5%	6	10.130.400	90.338.400	
5	Nguyễn Thị Mai				201,5		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất		72.540.000				13.507.200	86.047.200	Hộ nông nghiệp
		16	93	187	201,5	LUK		120.000	72.540.000	4	13,1%	6	13.507.200	86.047.200	

6	Nhâm Văn Long Đào Thị Thu Hương				230,8		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất		83.088.000				13.507.200	96.595.200	Hộ nông nghiệp
		16	93	176	230,8	LUC		120.000	83.088.000	4	30,0%	6	13.507.200	96.595.200	
7	Nguyễn Thị Quỳnh				167,5		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất		60.300.000				13.507.200	73.807.200	Hộ nông nghiệp
		16	93	126	84,0	LUK		120.000	30.240.000	4	14,4%	6	13.507.200	43.747.200	
		16	93	168	40,2	HNK		120.000	14.472.000					14.472.000	
		16	93	169	43,3	LUK		120.000	15.588.000					15.588.000	
8	Vũ Văn Cẩn				40,0		Văn bản phân chia di sản thừa kế		14.400.000				16.884.000	31.284.000	Hộ nông nghiệp
		10	87	250	40	HNK		120.000	14.400.000	5	46,7%	6	16.884.000	31.284.000	
*	Tổng cộng.				1.164,8				419.328.000				111.434.400	530.762.400	